

BẢN GIẢI TRÌNH CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2017

Theo báo cáo kết quả kinh doanh quý I năm 2017 của Công Ty Cổ Phần Cấp Nước Chợ Lớn, những chỉ tiêu có tỷ lệ thay đổi tăng, giảm làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của quý I năm 2017 như sau:

I. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ:

a. Phân tích chỉ tiêu:

| Chỉ tiêu | Quý I năm 2017 | Quý I năm 2016 | Chênh lệch | Tỷ lệ |
|---|------------------------|------------------------|----------------------|----------------|
| (A) | (1) | (2) | (3)=(1)-(2) | (4)=(1)/(2) |
| Doanh thu nước | 229,898,803,609 | 225,510,368,197 | 4,388,435,412 | 101.95% |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 4,039,944,722 | 3,709,197,232 | 330,747,490 | 108.92% |
| Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | 233,938,748,331 | 229,219,565,429 | 4,719,182,902 | 102.06% |

b. Thuyết minh:

Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ quý I năm 2017 tăng so với quý I năm 2016 là 4.719.182.902 đồng, tỷ lệ tăng 102.06% do

1. Doanh thu nước tăng 4.388.435.412 đồng, tỷ lệ tăng 101.95% do

Sản lượng nước cung cấp quý I năm 2017 tăng so với quý I năm 2016 là 653.680 m³, tỷ lệ tăng 103% làm cho doanh thu tăng 5.893.578.880 đồng

Giá bán nước bình quân quý I năm 2017 giảm so với quý I năm 2016 là 62 đồng/m³, tỷ lệ giảm 1% làm cho doanh thu giảm 1.532.682.656 đồng

2. Doanh thu cung cấp dịch vụ quý I năm 2017 tăng so với quý I năm 2016 là 330.747.990 đồng, tỷ lệ tăng 108.92%

II. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

a. Phân tích chỉ tiêu:

| Chỉ tiêu | Quý I năm 2017 | Quý I năm 2016 | Chênh lệch | Tỷ lệ |
|-----------------------------------|------------------------|------------------------|----------------------|----------------|
| (A) | (1) | (2) | (3)=(1)-(2) | (4)=(1)/(2) |
| Giá vốn hàng bán nước | 225,033,593,852 | 223,065,271,063 | 1,968,322,789 | 100.88% |
| Giá vốn hàng bán cung cấp dịch vụ | 1,617,094,532 | 1,059,432,231 | 557,662,301 | 152.64% |
| Cộng | 226,650,688,384 | 224,124,703,294 | 2,525,985,090 | 101.13% |

Trong đó chi tiết giá vốn nước:

| Chỉ tiêu | Quý I năm 2017 | Quý I năm 2016 | Chênh lệch | Tỷ lệ |
|---|------------------------|------------------------|----------------------|----------------|
| (A) | (1) | (2) | (3)=(1)-(2) | (4)=(1)/(2) |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu - nước sạch | 186,639,759,697 | 185,221,843,252 | 1,417,916,445 | 100.77% |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu khác | 1,091,795,041 | 597,773,430 | 494,021,611 | 182.64% |
| Chi phí nhân công | 16,036,590,324 | 14,353,969,959 | 1,682,620,365 | 111.72% |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 10,484,323,484 | 9,258,985,708 | 1,225,337,776 | 113.23% |
| Chi phí thuê tài sản hoạt động | - | 2,370,652,401 | (2,370,652,401) | 0.00% |
| Chi phí gấn và thay đồng hồ nước | 9,376,736,316 | 8,458,172,163 | 918,564,153 | 110.86% |
| Chi phí chống thất thoát nước | 349,594,009 | 345,802,791 | 3,791,218 | 101.10% |
| Chi phí cải tạo ống mục | 217,833,412 | 1,993,737,670 | (1,775,904,258) | 10.93% |
| Chi phí sửa bể | 293,346,261 | 200,511,445 | 92,834,816 | 146.30% |
| Chi phí khác | 543,615,308 | 263,822,244 | 279,793,064 | 206.05% |
| Tổng chi phí sản xuất | 225,033,593,852 | 223,065,271,063 | 1,968,322,789 | 100.88% |
| Giá vốn đã cung cấp | 225,033,593,852 | 223,065,271,063 | 1,968,322,789 | 100.88% |

b. Thuyết minh

Giá vốn cung cấp nước trong quý 1 năm 2017 so với quý 1 năm 2016 tăng 1.968.322.789 đồng, tỷ lệ 100.88% do :

1. Sản lượng nước mua si quý 1 năm 2017 tăng so với quý 1 năm 2016 là 2.569.755 m³ tỷ lệ tăng 107% làm giá mua si tăng 12.679.710.819 đồng
2. Giá vốn bình quân theo hợp đồng mua si nước sạch quý 1 năm 2017 giảm so với quý 1 năm 2016 là 319 đồng/m³, tỷ lệ giảm 6% làm cho chi phí mua si nước sạch giảm 11.261.794.373 đồng
3. Chi phí nhân công quý 1 năm 2017 tăng so với quý 1 năm 2016 1.682.620.365 đồng, tỷ lệ tăng 111.72% do doanh thu nước và cung cấp dịch vụ tăng 102.6%, số lao động tăng
4. Chi phí khấu hao TSCĐ quý 1 năm 2017 tăng so với quý 1 năm 2016 là 1.225.337.776 đồng, tỷ lệ tăng 113.23%
5. Chi phí thuê TSCĐ quý 1 năm 2017 giảm so với quý 1 năm 2016 là 2.370.652.401 đồng do quý 1 năm 2017 không phát sinh chi phí thuê TSCĐ
6. Chi phí gấn và thay ĐHN quý 1 năm 2017 tăng so với quý 1 năm 2016 là 918.564.153 đồng, tỷ lệ tăng 110.86%
7. Chi phí CTOM quý 1 năm 2017 giảm so với quý 1 năm 2016 là 1.775.904.258 đồng, tỷ lệ giảm 89%

Giá vốn cung cấp dịch vụ quý 1 năm 2017 tăng so với quý 1 năm 2016 là 557.662.301 đồng, tỷ lệ tăng 152.64% (do quý 1 năm 2017 phát sinh khoản chi phí nhượng bán vật tư cũ là 813.238.860 đồng và một số khoản chi phí cung cấp dịch vụ khác giảm)

III. CHI PHÍ BÁN HÀNG

a. Phân tích chi tiêu:

| Chỉ tiêu | Quý I năm 2017 | Quý I năm 2016 | Chênh lệch | Tỷ lệ |
|-------------------------------------|----------------------|----------------------|--------------------|----------------|
| (A) | (1) | (2) | (3)=(1)-(2) | (4)=(1)/(2) |
| Chi phí nhân công | 2,595,142,812 | 1,896,273,432 | 698,869,380 | 136.85% |
| Chi phí công cụ dụng cụ | 64,620,213 | 107,152,500 | (42,532,287) | 60.31% |
| Chi phí khấu hao | 184,551,750 | 129,668,058 | 54,883,692 | 142.33% |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài + CP khác | 272,636,410 | 229,700,033 | 42,936,377 | 118.69% |
| Cộng | 3,116,951,185 | 2,362,794,023 | 754,157,162 | 131.92% |

b. Thuyết minh:

Chi phí bán hàng quý 1 năm 2017 tăng so với quý 1 năm 2016 là 754.157.162 đồng, tỷ lệ tăng 131.92% do:

1. Chi phí nhân công quý 1 năm 2017 tăng so với quý 1 năm 2016 là 698.869.380 đồng, tỷ lệ tăng 136.85%
2. Chi phí khấu hao tăng 54.883.692 đồng, tỷ lệ tăng 142.33%
3. Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác tăng 42.936.377 đồng, tỷ lệ tăng 118.69%

IV. CHI PHÍ QUẢN LÝ

a. Phân tích chi tiêu:

| Chỉ tiêu | Quý I năm 2017 | Quý I năm 2016 | Chênh lệch | Tỷ lệ |
|---------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------|
| (A) | (1) | (2) | (3)=(1)-(2) | (4)=(1)/(2) |
| Chi phí nhân viên quản lý | 4,532,478,652 | 3,260,144,002 | 1,272,334,650 | 139.03% |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 278,327,632 | 216,049,341 | 62,278,291 | 128.83% |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 1,516,468,739 | 733,558,402 | 782,910,337 | 206.73% |
| Thuế, phí và lệ phí | 40,246,489 | 18,427,078 | 21,819,411 | 218.41% |
| Chi phí bằng tiền khác | 1,559,992,215 | 1,733,587,446 | (173,595,231) | 89.99% |
| Cộng | 7,927,513,727 | 5,961,766,269 | 1,965,747,458 | 132.97% |

b. Thuyết minh:

Chi phí quản lý quý 1 năm 2017 tăng so với quý 1 năm 2016 là 1.965.747.458 đồng, tỷ lệ tăng 132.97% do:

1. Chi phí nhân công quý 1 năm 2017 tăng so với quý 1 năm 2016 là 1.272.334.650 đồng, tỷ lệ tăng 139.03%

2. Chi phí công cụ dụng cụ, đồ dùng văn phòng quý 1 năm 2017 tăng so với quý 1 năm 2016 là 62.278.291 đồng, tỷ lệ tăng 128.83%

3. Chi phí KHTSCĐ quý 1 năm 2017 tăng so với quý 1 năm 2016 là 782.910.337 đồng, tỷ lệ tăng 206.73%

4. Chi phí dịch vụ mua ngoài + CP khác quý 1/2017 giảm 173.595.231 đồng, tỷ lệ giảm 10%

IV. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

a. Phân tích chi tiêu:

| Chỉ tiêu | Quý I năm 2017 | Quý I năm 2016 | Chênh lệch | Tỷ lệ |
|-----------------------|--------------------|--------------------|----------------------|---------------|
| (A) | (1) | (2) | (3)=(1)-(2) | (4)=(1)/(2) |
| Tiền gửi có kỳ hạn | 89,183,333 | 445,583,444 | (356,400,111) | 20.01% |
| Tiền gửi không kỳ hạn | 20,160,008 | 43,361,143 | (23,201,135) | 46.49% |
| Cộng | 109,343,341 | 488,944,587 | (356,400,111) | 22.36% |

b. Thuyết minh:

Doanh thu hoạt động tài chính của quý 1 năm 2017 giảm so với quý 1 năm 2016 là 356.400.111 đồng, tỷ lệ giảm 77.63% do lượng tiền gửi có kỳ hạn quý 1 năm 2017 thấp hơn năm quý 1 năm 2016 làm cho lãi suất tiền gửi có kỳ hạn quý 1 năm 2017 thấp hơn so với quý 1 năm 2016 là 356.400.111 đồng, tỷ lệ giảm 80%

IV. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

a. Phân tích chi tiêu:

| Chỉ tiêu | Quý I năm 2017 | Quý I năm 2016 | Chênh lệch | Tỷ lệ |
|-----------------|--------------------|--------------------|---------------------|---------------|
| (A) | (1) | (2) | (3)=(1)-(2) | (4)=(1)/(2) |
| Chi phí lãi vay | 215,945,750 | 284,929,508 | (68,983,758) | 75.79% |
| Cộng | 215,945,750 | 284,929,508 | (68,983,758) | 75.79% |

b. Thuyết minh:

Chi phí hoạt động tài chính của quý 1 năm 2017 giảm so với quý 1 năm 2016 là 68.983.758 đồng, tỷ lệ giảm 24% do chi phí hoạt động tài chính giảm dần theo số dư nợ

V. THU NHẬP KHÁC

a. Phân tích chi tiêu:

| Chỉ tiêu | Quý I năm 2016 | Quý I năm 2015 | Chênh lệch | Tỷ lệ |
|---|--------------------|--------------------|--------------------|----------------|
| (A) | (1) | (2) | (3)=(1)-(2) | (4)=(1)/(2) |
| Thu nhập bán hồ sơ mời thầu | 32,727,956 | 5,454,546 | 27,273,410 | 600.01% |
| Thu nhập khách hàng đầu tư ống cái không hoàn lại | 641,446,763 | 324,713,228 | 316,733,535 | 197.54% |
| Tiền bồi thường di dời hệ thống cấp nước | | | - | |
| Thu nhập khác | 18,430,513 | 17,994,702 | 435,811 | |
| Cộng | 692,605,232 | 348,162,476 | 344,442,756 | 198.93% |

b. Thuyết minh:

Thu nhập khác của quý 1 năm 2017 tăng so với quý 1 năm 2016 là 344.442.756 đồng, tỷ lệ tăng 198.93% chủ yếu do tăng doanh thu từ việc khách hàng đầu tư ống cái không hoàn vốn, khách hàng đầu tư ống cái không hoàn vốn tăng 316.733.535 đồng, tỷ lệ tăng 197.54% so với quý 1 năm 2016

VI. CHI PHÍ KHÁC

a. Phân tích chi tiêu:

| Chỉ tiêu | Quý I năm 2017 | Quý I năm 2016 | Chênh lệch | Tỷ lệ |
|---------------------------------------|-------------------|--------------------|---------------------|-------------|
| (A) | (1) | (2) | (3)=(1)-(2) | (4)=(1)/(2) |
| Chi phí hồ sơ mời thầu | - | - | - | |
| Chi phí đầu tư không hoàn vốn ống cái | 66,011,193 | 133,836,453 | (67,825,260) | |
| Chi phí bồi thường, di dời | - | - | - | |
| Chi phí khác | - | 8,052,909 | (8,052,909) | |
| Cộng | 66,011,193 | 141,889,362 | (75,878,169) | |

b. Thuyết minh:

Chi phí khác của quý 1 năm 2017 giảm so với quý 1 năm 2016 là 75.878.169 đồng, chủ yếu là chi phí khách hàng đầu tư ồng cái không hoàn vốn giảm

VII. LỢI NHUẬN:

a. Phân tích chi tiêu:

| Chỉ tiêu | Quý I năm 2017 | Quý I năm 2016 | Chênh lệch | Tỷ lệ |
|-------------------------------|-----------------|-----------------|---------------|-------------|
| (A) | (1) | (2) | (3)=(1)-(2) | (4)=(1)/(2) |
| Lợi nhuận trước thuế TNDN gồm | (3,236,413,335) | (2,819,409,964) | (417,003,371) | 114.79% |
| Lợi nhuận nước | (6,179,255,156) | (5,879,463,158) | (299,791,997) | 105.10% |
| Lợi nhuận cung cấp dịch vụ | 2,422,850,190 | 2,649,765,001 | (226,914,811) | 91.44% |
| Lợi nhuận HĐTC | (106,602,409) | 204,015,079 | (310,617,488) | -52.25% |
| Lợi nhuận khác | 626,594,039 | 206,273,114 | 420,320,925 | 303.77% |
| Thuế TNDN | - | - | - | |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN | (3,236,413,336) | (2,819,409,964) | (417,003,372) | 114.79% |

b. Thuyết minh:

Qua phân tích các chi tiêu doanh thu - chi phí nêu trên thì chênh lệch lợi nhuận trước thuế của quý 1 năm 2017 so với quý 1 năm 2016 lỗ chênh lệch 417.003.373 đồng

Người lập Báo cáo

Vũ Thị Như Quỳnh

Kế toán trưởng

Lại Thị Thu



Quận 5, ngày 18 tháng 04 năm 2017

Giám Đốc

Lê Trọng Hiếu



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017

MẪU B 01-DN

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | 31/03/2017 | 01/01/2017 |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| A . TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 101,231,333,014 | 142,387,186,401 |
| I . Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 19,118,131,506 | 45,735,185,677 |
| 1 . Tiền | 111 | | 10,118,131,506 | 19,935,185,677 |
| 2 . Các khoản tương đương tiền | 112 | | 9,000,000,000 | 25,800,000,000 |
| II . Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| III . Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 25,673,905,333 | 17,259,144,493 |
| 1 . Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.2 | 15,879,510,587 | 8,120,013,307 |
| 2 . Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.3 | 7,310,818,429 | 6,631,939,166 |
| 3 . Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.4a | 4,402,227,049 | 4,425,842,752 |
| 4 . Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.5 | (1,918,650,732) | (1,918,650,732) |
| IV . Hàng tồn kho | 140 | V.6 | 46,481,541,787 | 69,533,436,015 |
| Hàng tồn kho | 141 | | 46,481,541,787 | 69,533,436,015 |
| V . Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 9,957,754,388 | 9,859,420,216 |
| 1 . Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.7a | 3,027,792,316 | 2,151,994,802 |
| 2 . Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 6,929,962,072 | 7,707,425,414 |
| B . TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 299,691,145,838 | 314,843,657,220 |
| I . Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 165,608,583 | 165,608,583 |
| Phải thu dài hạn khác | 216 | V.4b | 165,608,583 | 165,608,583 |
| II . Tài sản cố định | 220 | | 240,288,200,968 | 240,416,015,921 |
| 1 . Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.8 | 235,244,829,071 | 239,978,579,253 |
| 1 Nguyên giá | 222 | | 669,958,826,543 | 666,082,581,898 |
| 1 Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (434,713,997,472) | (426,104,002,645) |
| 2 . Tài sản cố định vô hình | 227 | V.9 | 5,043,371,897 | 437,436,668 |
| 2 Nguyên giá | 228 | | 9,225,648,391 | 3,964,186,666 |
| 2 Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (4,182,276,494) | (3,526,749,998) |
| III . Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| IV . Tài sản dở dang dài hạn | 240 | V.10 | 8,988,114,808 | 14,400,075,773 |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | 8,988,114,808 | 14,400,075,773 |
| V . Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 8,330,000 | 8,330,000 |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | 8,330,000 | 8,330,000 |
| VI . Tài sản dài hạn khác | 260 | | 50,240,891,479 | 59,853,626,943 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.7b | 50,240,891,479 | 59,853,626,943 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 400,922,478,852 | 457,230,843,621 |

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017


Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | 31/03/2017 | 01/01/2017 |
|---|-------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| C . NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 194,825,708,711 | 247,897,660,145 |
| I . Nợ ngắn hạn | 310 | | 168,541,743,410 | 221,737,389,399 |
| 1 . Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.11 | 109,073,159,131 | 147,917,345,000 |
| 2 . Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.12 | 7,559,083,706 | 3,726,004,997 |
| 3 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.13 | 11,123,535,988 | 16,548,788,705 |
| 4 . Phải trả người lao động | 314 | | 3,639,910,349 | 15,051,717,344 |
| 5 . Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.14 | 14,100,869,430 | 15,165,279,026 |
| 6 . Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.15a | 20,773,306,445 | 18,847,213,384 |
| 7 . Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.16a | 1,575,451,772 | 2,199,169,755 |
| 8 . Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.17 | 696,426,589 | 2,281,871,188 |
| II . Nợ dài hạn | 330 | | 26,283,965,301 | 26,160,270,746 |
| 1 . Phải trả dài hạn khác | 337 | V.15b | 20,784,015,972 | 20,660,321,417 |
| 2 . Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.16b | 5,499,949,329 | 5,499,949,329 |
| D . VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 206,096,770,141 | 209,333,183,476 |
| I . Vốn chủ sở hữu | 410 | V.18 | 206,096,770,141 | 209,333,183,476 |
| 1 . Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 130,000,000,000 | 130,000,000,000 |
| <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i> | <i>411a</i> | | <i>130,000,000,000</i> | <i>130,000,000,000</i> |
| 2 . Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 57,386,667,692 | 57,386,667,692 |
| 3 . Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 18,710,102,449 | 21,946,515,784 |
| <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước</i> | <i>421a</i> | | <i>21,946,515,784</i> | <i>7,764,953,688</i> |
| <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i> | <i>421b</i> | | <i>(3,236,413,335)</i> | <i>14,181,562,096</i> |
| II . Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 400,922,478,852 | 457,230,843,621 |

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 04 năm 2017




LẠI THỊ THU
Kế toán trưởng


NGUYỄN THỊ KIM LOAN
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

MẪU B 02-DN

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Quý 1 năm 2017 | Quý 1 năm 2016 |
|--|-------|-------------|-----------------|-----------------|
| | | | | |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | | 233,978,566,581 | 229,245,164,940 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | 39,818,250 | 25,599,511 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | VI.1 | 233,938,748,331 | 229,219,565,429 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 226,650,688,384 | 224,124,703,293 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 7,288,059,947 | 5,094,862,136 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 109,343,341 | 488,944,587 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 215,945,750 | 284,929,508 |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | 23 | | 215,945,750 | 284,929,508 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | VI.5 | 3,116,951,185 | 2,362,794,023 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.6 | 7,927,513,727 | 5,961,766,269 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | (3,863,007,374) | (3,025,683,077) |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | 692,605,232 | 348,162,476 |
| 12. Chi phí khác | 32 | | 66,011,193 | 141,889,362 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | VI.7 | 626,594,039 | 206,273,114 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | (3,236,413,335) | (2,819,409,963) |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | VI.8 | | |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | (3,236,413,335) | (2,819,409,963) |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.9a | (249) | (217) |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.9b | (249) | (217) |

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 04 năm 2017



LẠI THỊ THU
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ KIM LOAN
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

MẪU B 03-DN

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Quý 1 năm 2017 | Quý 1 năm 2016 |
|--|-----------|-------------|-------------------------|------------------------|
| I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1 Lợi nhuận trước thuế | 01 | | (3,236,413,335) | (2,819,409,964) |
| 2 Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| - Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT | 02 | | 12,185,343,973 | 9,883,638,168 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | - | - |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | - | - |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (109,343,341) | (488,944,587) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | 215,945,750 | 284,929,508 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 9,055,533,047 | 6,860,213,125 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (7,670,880,831) | (4,608,480,360) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | 23,051,894,228 | (71,383,976) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | | (41,259,799,471) | 15,104,903,476 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 8,736,937,950 | (2,731,326,864) |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (215,945,750) | (284,929,508) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | (3,178,813,252) | (2,941,932,760) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | 113,100,000 | 62,000,000 |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | (1,698,544,599) | (1,207,070,000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (13,066,518,678) | 10,181,993,133 |
| II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (13,048,416,684) | (5,134,451,030) |
| 2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | | - | - |
| 3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | - | - |
| 4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | - | - |
| 5 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 142,926,674 | 555,250,143 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (12,905,490,010) | (4,579,200,887) |
| III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1 Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | (623,717,983) | (631,708,599) |
| 2 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | (21,327,500) | - |

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Quý 1 năm 2017 | Quý 1 năm 2016 |
|---|-------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| | | | | |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (645,045,483) | (631,708,599) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | | (26,617,054,171) | 4,971,083,647 |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | | 45,735,185,677 | 55,240,656,991 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | V.1 | <u>19,118,131,506</u> | <u>60,211,740,638</u> |

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 04 năm 2017



Thuê

LẠI THỊ THU
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Kim Loan

NGUYỄN THỊ KIM LOAN
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

MẪU B09-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn (tên giao dịch: Cho Lon Wasuco JSC) là Doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước – Chi nhánh cấp nước Chợ Lớn thuộc Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005924 ngày 16 tháng 01 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi như sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ nhất lần thứ nhất ngày 02 tháng 06 năm 2008, chuẩn y việc bổ sung một số ngành nghề kinh doanh.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ hai số 0304797806 ngày 16 tháng 05 năm 2012, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật Ông Lê Trọng Hiếu thay thế Ông Phạm Mạnh Đức.

Cổ phiếu của Công ty được phép niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 223/2010/QĐ-SGDHCM ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với số lượng 13.000.000 cổ phiếu niêm yết tương ứng 130.000.000.000 VND. Ngày 11 tháng 01 năm 2011, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn đã chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là CLW.

- **Vốn điều lệ** : 13.000.000.000 VND
 - Số cổ phiếu : 13.000.000 cổ phiếu
 - Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phiếu

- **Trụ sở hoạt động**

- Địa chỉ : Số 97 đường Phạm Hữu Chí, quận 5, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (84-08) 3 9552 354
- Fax : (84-08) 3 9550 424
- Mã số thuế : 0 3 0 4 7 9 7 8 0 6

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại, dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Ngành, nghề kinh doanh

- Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất (trên địa bàn được phân công theo quyết định của Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn);
- Tư vấn xây dựng công trình cấp nước – dân dụng – công nghiệp (trừ: khảo sát xây dựng, giám sát thi công);
- Xây dựng công trình cấp nước;
- Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Lập dự án;
- Thẩm tra thiết kế;
- Tái lập mặt đường đối với công trình chuyên ngành cấp nước;
- Giám sát thi công xây dựng công trình cấp thoát nước;
- Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành cấp nước;
- Đại lý ký gửi hàng hóa./.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2017 là 502 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 452 người).

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 là kỳ kế toán năm thứ 10 của Công ty kể từ ngày chính thức chuyển sang công ty Cổ Phần.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty thể hiện các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Lãi/ lỗ khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

6. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải thu về tiền bán hàng, phải thu tiền thi công xây dựng các công trình, phải thu dịch vụ cung cấp.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính, như: phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản phải chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại,

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

các khoản phụ không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tạm ứng nhân viên; các ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày lập Báo cáo tài chính đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự. Tăng, giảm số dư dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

8. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

| | <u>Số năm</u> |
|--------------------------|---------------|
| Nhà xưởng, vật kiến trúc | 25 – 30 |
| Máy móc thiết bị | 05 – 15 |
| Thiết bị văn phòng | 03 – 08 |
| Phương tiện vận tải | 06 – 10 |
| Phương tiện truyền dẫn | 10 – 30 |

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do bán hay thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định của Công ty thể hiện phần mềm máy tính.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chưa hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng, liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là toàn bộ chi phí phát sinh thực tế liên quan đến việc sửa chữa, cải tạo,.. tài sản cố định. Khi công việc sửa chữa lớn tài sản cố định hoàn thành, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển chi phí vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định giá trị nhỏ)/ chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển vào “Tài sản cố định” khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích (chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định giá lớn và liên quan đến nhiều kỳ sản xuất kinh doanh).

11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện khoản chi phí mua bảo hiểm nhân thọ cho nhân viên, chi phí gắn mới và thay thế đồng hồ nước, chi phí cải tạo ống mục và chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước dài hạn”.

Các chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này như sau:

- Chi phí gắn mới và thay đồng hồ nước định kỳ, chi phí cải tạo ống mục được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.
- Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa văn phòng làm việc, được phân bổ vào Kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người ủy thác.
- Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: cổ tức và lợi nhuận phải trả; các khoản phải trả không mang tính chất thương mại như phải trả bồi thường, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,...

13. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận thuần

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ

- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 - Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

14. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, mà không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trong trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi nhận giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập Báo cáo

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

16. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Theo biên bản kết luận thanh tra thuế số 1757/KL-CT ngày 14 tháng 12 năm 2015 thì từ kỳ tính thuế năm 2009, Công ty sẽ được áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài Chính cho thời gian còn lại. Do đến hết kỳ tính thuế năm 2008, Công ty đã hết thời gian miễn thuế theo Thông tư số 134/2007/TT-BTC nên mức ưu đãi Công ty được hưởng cụ thể như sau: Thuế suất 10% từ năm 2009 đến năm 2021; giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tính từ năm 2009. Năm nay là năm thứ 8 Công ty được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

18. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

19. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | <u>31/03/2017</u> | <u>01/01/2017</u> |
|--------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Tiền mặt | 1.130.599 | 48.220.501 |
| Tiền gửi ngân hàng | 10.117.000.907 | 19.886.965.176 |
| Các khoản tương đương tiền (i) | 9.000.000.000 | 25.800.000.000 |
| Cộng | <u>19.118.131.506</u> | <u>45.735.185.677</u> |

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại ngân hàng thương mại Cổ Phần Sài Gòn chi nhánh Bình Tây với lãi suất 5% /năm (năm 2016: 5%/năm).

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | <u>31/03/2017</u> | | <u>01/01/2017</u> | |
|--|------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn | 5.754.626.663 | | 5.807.393.426 | |
| Các khách hàng liên quan đến ngành nước | 8.543.270.739 | 1.918.650.732 | 684.664.416 | 1.918.650.732 |
| Các khách hàng liên quan đến dịch vụ khách | 1.581.613.185 | | 1.627.955.465 | |
| Cộng | <u>15.879.510.587</u> | <u>1.918.650.732</u> | <u>8.120.013.307</u> | <u>1.918.650.732</u> |

Trong đó phải thu của khách hàng là các bên liên quan

| | <u>31/03/2017</u> | | <u>01/01/2017</u> | |
|-------------------------------|-----------------------------|-----------------|-----------------------------|-----------------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn | 5.754.626.663 | - | 5.807.393.426 | - |
| Cộng | <u>5.754.626.663</u> | <u>-</u> | <u>5.807.393.426</u> | <u>-</u> |

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | <u>31/03/2017</u> | <u>01/01/2017</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Công ty TNHH TM XD Việt Long | 1,744,566,842 | 1.744.566.842 |
| Công ty TNHH Hải Hoàng Dương | 1,614,682,386 | 1.614.682.386 |
| Công Ty TNHH XDBCN & Đường Ong Hoàng Thăng | 810,821,820 | 810.821.820 |
| Công ty TNHH MTV Bá Đức | 804,000,000 | 804.000.000 |
| Công ty CP Tư Vấn XD Cấp Nước | 504,924,499 | 460.117.360 |
| Các khách hàng khác | 1,831,822,882 | 1.197.750.758 |
| Cộng | <u>7.310.818.429</u> | <u>6.631.939.166</u> |

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trong đó trả trước người bán là các bên liên quan

| | 31/03/2017 | 01/01/2017 |
|-------------------------------|--------------------|--------------------|
| Công ty CP Tư Vấn XD Cấp Nước | 504.924.499 | 460.117.360 |
| Cộng | 504.924.499 | 460.117.360 |

4. Các khoản phải thu khác

| | 31/03/2017 | | 01/01/2017 | |
|--|----------------------|----------|----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| a) Phải thu ngắn hạn khác | 4.402.227.049 | - | 4.425.842.752 | - |
| Phải thu khác là bên liên quan | 2.981.001.626 | - | 2.979.831.246 | - |
| Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn | 2.981.001.626 | - | 2.979.831.246 | - |
| Phải thu khác | 1.421.225.423 | - | 1.446.011.506 | - |
| Phải thu về khoản cho mượn vật tư - Các phòng ban Công ty cổ phần Cấp Nước Chợ Lớn | 986.528.770 | - | 782.896.675 | - |
| Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn | - | - | 33.583.333 | - |
| Phải thu khác | 287.813.553 | - | 607.506.416 | - |
| Tạm ứng | 146.883.100 | - | 22.025.082 | - |
| b) Phải thu dài hạn khác | 165.608.583 | - | 165.608.583 | - |
| Ký quỹ dài hạn | 165.608.583 | - | 165.608.583 | - |
| Cộng | 4.567.835.632 | - | 4.591.451.335 | - |

5. Nợ xấu

| | 31/03/2017 | | | 01/01/2017 | | |
|------------------------------|-----------------------|------------------------|----------------------|----------------------|------------------------|----------------------|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Dự phòng | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Dự phòng |
| Phải thu ngắn hạn khách hàng | 8.543.270.739 | 6.624.620.007 | 1.918.650.732 | 8.120.013.307 | 6.201.362.575 | 1.918.650.732 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 7.336.239.848 | - | - | - | - | - |
| Cộng | 15.879.510.587 | 6.201.362.575 | 1.918.650.732 | 8.120.013.307 | 6.201.362.575 | 1.918.650.732 |

- Các khoản nợ xấu liên quan các khoản phải thu của khách hàng bán hàng đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên, hoặc các khách hàng khó có khả năng thanh toán, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự.
- Không có khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm,.. theo hợp đồng phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu.
- Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng đã trích lập.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

| | 31/01/2017 | | 01/01/2017 | |
|--------------------------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 17.435.336.216 | - | 20.603.608.651 | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 29.046.205.571 | - | 48.929.827.364 | - |
| Cộng | 46.481.541.787 | - | 69.533.436.015 | - |

7. Chi phí trả trước

| | 31/03/2017 | 01/01/2017 |
|--------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| a) Chi phí trả trước ngắn hạn | 3.027.792.316 | 2.151.994.802 |
| Công cụ dụng cụ | 2.298.792.312 | 1.419.394.798 |
| Bảo hiểm nhân thọ cho nhân viên | 729.000.004 | 732.600.004 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 50.240.891.479 | 59.853.626.943 |
| b) Chi phí sửa chữa văn phòng | 303.483.657 | 303.483.658 |
| Gắn đồng hồ nước theo NĐ 117 | 46.467.789.538 | 55.429.235.961 |
| Thay đồng hồ nước | 2.907.029.249 | 3.322.319.142 |
| Chi phí cải tạo ống mục | 471.998.299 | 707.997.447 |
| Lắp đặt màn sáo | 90.590.736 | 90.590.736 |
| Cộng | 53.268.683.796 | 62.005.621.745 |

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

| Khoản mục | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị văn phòng | Cộng |
|---|---------------------------|---------------------|------------------------------------|-----------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| 01/01/2017 | 29.000.000.000 | 1.002.282.486 | 618.213.860.603 | 17.866.438.809 | 666.082.581.898 |
| Tăng trong năm | | 36.436.000 | 7.220.180.344 | - | 7.256.616.344 |
| Mua trong năm | - | 36.436.000 | | | 36.436.000 |
| Đầu tư XD/CB hoàn thành | - | - | 7.220.180.344 | - | 7.220.180.344 |
| Giảm trong năm | - | - | 3.380.371.699 | - | 3.380.371.699 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | - | 2.919.916.826 | - | 2.919.916.826 |
| Giảm nguyên giá theo quyết toán | - | - | 460.454.873 | - | 460.454.873 |
| 31/03/2017 | 29.000.000.000 | 965.846.486 | 622.053.669.248 | 17.866.438.809 | 669.958.826.543 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | |
| 01/01/2017 | 579.981.997 | 905.896.170 | 414.108.284.826 | 10.509.839.652 | 426.104.002.645 |
| Tăng trong năm | 144.999.999 | 11.580.790 | 10.657.294.445 | 715.942.244 | 11.529.817.477 |
| Khấu hao trong năm | 144.999.999 | 11.580.790 | 10.657.294.445 | 715.942.244 | 11.529.817.477 |
| Giảm trong năm | - | - | 2.919.822.650 | - | 2.919.822.650 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | - | 2.919.822.650 | - | 2.919.822.650 |
| 31/03/2017 | 724.981.996 | 917.476.960 | 421.845.756.621 | 11.225.781.896 | 434.713.997.472 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| 01/01/2017 | 28.420.018.003 | 96.386.316 | 204.105.575.777 | 7.356.599.157 | 239.978.579.253 |
| 31/03/2017 | 28.275.018.004 | 121.241.526 | 200.207.912.627 | 6.640.656.913 | 235.244.829.071 |
| Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng, chi tiết: | | | | | |
| 31/12/2016 | - | 786.666.486 | 199.915.594.293 | 3.037.028.188 | 203.739.288.967 |
| 31/03/2017 | - | 844.166.486 | 233.172.833.476 | 4.238.644.710 | 238.255.644.672 |

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

| | Phần mềm Quản lý | Cộng TSCĐ vô hình |
|--|----------------------|----------------------|
| Nguyên giá | | |
| 01/01/2017 | 3.964.186.666 | 3.964.186.666 |
| Tăng trong năm | 5.261.461.725 | 5.261.461.725 |
| <i>Do mua sắm</i> | 5.261.461.725 | 5.261.461.725 |
| Giảm trong năm | - | - |
| 31/03/2017 | 9.225.648.391 | 9.225.648.391 |
| Hao mòn lũy kế | | |
| 01/01/2017 | 3.526.749.998 | 3.526.749.998 |
| Tăng trong năm | 655.526.496 | 655.526.496 |
| Giảm trong năm | - | - |
| 31/03/2017 | 4.182.276.494 | 4.182.276.494 |
| Giá trị còn lại | | |
| 01/01/2017 | 437.436.668 | 437.436.668 |
| 31/03/2017 | 5.043.371.897 | 5.043.371.897 |
| Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: | | |
| 01/01/2017 | 3.275.946.666 | 3.275.946.666 |
| 31/03/2017 | 3.275.946.666 | 3.275.946.666 |

10. Tài sản dở dang dài hạn

| | 31/03/2017 | 01/01/2017 |
|----------------------------------|----------------------|-----------------------|
| Xây dựng cơ bản dở dang | | |
| Sửa chữa di dời nhà làm việc | 4.071.580 | - |
| Công trình di dời đường ống | 3.486.901.861 | 3.486.901.865 |
| Công trình chống thất thoát nước | 2.199.479.920 | 1.362.079.914 |
| Công trình cải tạo ống mục | (201.663.425) | 14.779.519 |
| Công trình đầu tư ống cái | 1.690.882.877 | 1.435.349.942 |
| Công trình phát triển mạng lưới | 1.808.441.995 | 8.100.964.533 |
| Cộng | 8.988.114.808 | 14.400.075.773 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Phải trả người bán ngắn hạn

| | 31/03/2017 | | 01/01/2017 | |
|---------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn | 99.649.718.978 | 99.649.718.978 | 89.410.876.491 | 89.410.876.491 |
| Công ty TNHH CTCTN&HT Đ.Thị M.A.T | 38.392.980 | 38.392.980 | 38.392.980 | 38.392.980 |
| Công ty CP ĐT XD & TM Thái Bình Dương | 74.106.992 | 74.106.992 | 74.106.992 | 74.106.992 |
| Công ty Cổ Phần Xây dựng số 5 | 2.909.598.399 | 2.909.598.399 | 2.909.598.399 | 2.909.598.399 |
| Doanh nghiệp tư nhân Thảo Tín Vũ | - | - | 1.080.544.967 | 1.080.544.967 |
| Công ty Cổ Phần Đầu tư Minh Hòa | - | - | 2.445.907.640 | 2.445.907.640 |
| Nhà cung cấp khác | 6.401.341.781 | 6.401.341.781 | 51.957.917.531 | 51.957.917.531 |
| Cộng | 109.073.159.131 | 109.073.159.131 | 147.917.345.000 | 147.917.345.000 |

Trong đó phải trả người bán là bên liên quan

| | 31/03/2017 | | 01/01/2017 | |
|-------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Tổng Công Ty Cấp Nước Sài Gòn | 99.649.718.978 | 99.649.718.978 | 89.410.876.491 | 89.410.876.491 |
| Cộng | 99.649.718.978 | 99.649.718.978 | 89.410.876.491 | 89.410.876.491 |

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | 31/03/2017 | 01/01/2017 |
|---|----------------------|----------------------|
| Thu tiền nước khách hàng | 3.661.133.181 | |
| Công ty TNHH MTV CT Giao Thông Công Chánh | 49.999.839 | 49.999.839 |
| Truy thu tiền thất thoát nước | 338.776.692 | 442.165.985 |
| Tạm thu chi phí thiết kế ống ngầm | 155.666.878 | 123.372.270 |
| Khu quản lý giao thông đô thị số 1 | 3.076.871.000 | 3.076.871.000 |
| Các khách hàng khác | 276.636.116 | 33.595.903 |
| Cộng | 7.559.083.706 | 3.726.004.997 |

Trong đó người mua trả tiền trước là bên liên quan

| | 31/03/2017 | 01/01/2017 |
|---|-------------------|-------------------|
| Công ty TNHH MTV CT Giao Thông Công Chánh | 49.999.839 | 49.999.839 |
| Cộng | 49.999.839 | 49.999.839 |

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| Chỉ tiêu | 01/01/2017 | Số phải nộp | Số đã nộp | 31/03/2017 |
|-----------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 3.178.813.252 | | 3.178.813.252 | |
| Thuế thu nhập cá nhân | 413.567.647 | 1.505.697.763 | 1.899.886.921 | 19.378.489 |
| Tiền nhà đất, tiền thuê đất | 3.537.898.800 | | | 3.537.898.800 |
| Các loại thuế khác | - | 3.000.000 | 3.000.000 | |
| - Thuế môn bài | - | 3.000.000 | 3.000.000 | |
| Phí bảo vệ môi trường | 9.418.509.006 | 22.315.786.366 | 24.168.036.673 | 7.566.258.699 |
| Cộng | 16.548.788.705 | 27.003.297.381 | 29.249.736.846 | 11.123.535.988 |

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | 31/03/2017 | 01/01/2017 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Trích trước chi phí thuê thực hiện các công trình phát triển mạng lưới ống nước nghiệm thu nhưng chưa quyết toán. | 14.100.869.430 | 15.011.166.176 |
| Thù lao Hội đồng quản trị | - | 108.000.000 |
| Chi phí khác | - | 46.112.850 |
| Cộng | 14.100.869.430 | 15.165.279.026 |

15. Phải trả khác

| | | |
|---|-----------------------|-----------------------|
| a) Phải trả ngắn hạn khác | 20.773.306.445 | 18.847.213.384 |
| Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn | 7.944.490.980 | 7.944.490.980 |
| Công ty TNHH MTV CT Giao Thông Công Chánh | 110.000.000 | 150.000.000 |
| Kinh phí công đoàn, các khoản bảo hiểm phải nộp | 116.773.239 | 116.790.044 |
| Nhận ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng | 3.660.324.907 | 3.823.012.123 |
| Phí bảo vệ môi trường được giữ lại để chi | 1.861.017.686 | 221.737.177 |
| Cổ tức phải trả cho cổ đông | 1.063.633.076 | 1.084.960.576 |
| Các khoản phải trả khác | 6.017.066.563 | 5.517.192.205 |
| b) Phải trả dài hạn khác | 20.784.015.972 | 20.660.321.417 |
| Phải trả khách hàng đầu tư ống cái gắn đồng hồ nước | 20.784.015.972 | 20.660.321.417 |
| Cộng | 41.557.322.417 | 39.507.534.801 |
| Trong đó phải trả khác là bên liên quan | | |
| Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn | 7.944.490.980 | 7.944.490.980 |
| Công ty TNHH MTV CT Giao Thông Công Chánh | 110.000.000 | 150.000.000 |
| Cộng | 8.054.490.980 | 8.094.490.980 |

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**16. Vay và nợ tài chính**

| | 01/01/2017 | | Trong năm | | 31/03/2017 | |
|---|----------------------|-----------------------|--------------------|------|----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 2.199.169.755 | 2.199.169.755 | | | | |
| Vay dài hạn Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn đến hạn trả (Xem thuyết minh V.16b (i)) | 2.199.169.755 | 2.199.169.755 | 632.717.983 | | 1.575.451.772 | 1.575.451.772 |
| b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 5.499.949.329 | 5.499.949.329 | | | | |
| Vay dài hạn Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn (i) | 5.499.949.329 | 5.499.949.329 | | | 5.499.949.329 | 5.499.949.329 |
| Cộng | 7.699.119.084 | 7.699.119.084 | 632.717.983 | | 7.075.401.101 | 7.075.401.101 |

(i) Vay ngắn hạn Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn theo các hợp đồng sau :

- [1] - Hợp đồng vay : Số Hợp đồng 1388/HĐVV - CT - KTTC ngày 03 tháng 04 năm 2008
+ Hạn mức vay : 5.688.000.000 VND
+ Thời hạn trả nợ gốc : Sau 1 năm ân hạn, trả trong 36 kỳ. Mỗi kỳ 158.000.000 VND
+ Lãi vay : 8,4%/năm
+ Thời hạn vay : 10 năm
+ Mục đích vay : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
+ Tài sản đảm bảo : Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay
+ Dư nợ 31/12/2016 : 336.297.823 VND

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

-
- [2] - Hợp đồng vay : Số Hợp đồng 4742/HĐVV - TCT – KTTC ngày 11 tháng 11 năm 2009
+ Hạn mức vay : 705.845.000 VND
+ Thời hạn trả nợ gốc : Sau 1 năm ân hạn, trả trong 36 kỳ. Từ kỳ 1 tới kỳ 35 19.606.805 VND, kỳ 36 trả 19.606.825 VND
+ Lãi vay : 8,4%/năm
+ Thời hạn vay : 10 năm
+ Mục đích vay : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
+ Tài sản đảm bảo : Tài sản hình thành từ vốn vay
+ Dư nợ 31/12/2016 : 82.195.229 VND
- [3] - Hợp đồng vay : Số Hợp đồng 2363/HĐVV - TCT – KTTC ngày 05 tháng 08 năm 2010
+ Hạn mức vay : 108.942.413 VND
+ Thời hạn trả nợ gốc : Sau 1 năm ân hạn, trả trong 36 kỳ. Từ kỳ 1 tới kỳ 35 3.026.178 VND, kỳ 36 trả 3.026.183 VND
+ Lãi vay : 8,4%/năm
+ Thời hạn vay : 10 năm
+ Mục đích vay : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
+ Tài sản đảm bảo : Tài sản hình thành từ vốn vay
+ Dư nợ 31/12/2016 : 45.392.655 VND
- [4] - Hợp đồng vay : Số 3703/HĐVV-TCT-KTTC ngày 26/11/2012
+ Hạn mức vay : 2.555.536.000 VND
+ Thời gian ân hạn : 1 năm
+ Kỳ hạn thanh toán nợ gốc : Chia 36 kỳ (3 tháng là 1 kỳ) (Từ kỳ 1 tới 35 là 70.987.000 VND; Kỳ 36 là 70.991.000 VND)
+ Lãi vay : 11,4%/ năm
+ Thời hạn vay : 10 năm
+ Kỳ hạn thanh toán lãi : 3 tháng 1 lần vào ngày làm việc cuối cùng của tháng cuối quý
+ Mục đích vay : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | |
|----------------------------|---|
| + Tài sản đảm bảo | : Tài sản hình thành từ vốn vay |
| + Dư nợ 31/12/2016 | : 1.566.542.460 VND |
| [5] - Hợp đồng vay | : Số 3710/HĐVV-TCT-KTTC ngày 26/11/2012 |
| + Hạn mức vay | : 5.239.758.000 VND |
| + Thời gian ân hạn | : 1 năm |
| + Kỳ hạn thanh toán nợ gốc | : Thanh toán trong 36 kỳ (3 tháng là 1 kỳ) |
| - Từ kỳ 1 tới 35 : | : Dự án Phát triển mạng lưới cấp nước xã Phạm Văn Hai (Đợt 2) là 74.272.000/ kỳ |
| | : Dự án Phát triển mạng lưới cấp nước xã Phạm Văn Hai (Đợt 3) là 71.276.000/ kỳ |
| - Kỳ 36 | : Dự án Phát triển mạng lưới cấp nước xã Phạm Văn Hai (Đợt 2) là 74.293.000/ kỳ |
| | : Dự án Phát triển mạng lưới cấp nước xã Phạm Văn Hai (Đợt 3) là 71.285.000/ kỳ |
| + Lãi vay | : 11,4%/ năm |
| + Thời hạn vay | : 10 năm |
| + Kỳ hạn thanh toán lãi | : 3 tháng 1 lần vào ngày làm việc cuối cùng của tháng cuối quý |
| + Mục đích vay | : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước. |
| + Tài sản đảm bảo | : Tài sản hình thành từ vốn vay |
| + Dư nợ 31/12/2016 | : 3.193.529.471 VND |
| [6] - Hợp đồng vay | : Số 3702/HĐVV-TCT-KTTC ngày 26/11/2012 |
| + Hạn mức vay | : 8.155.804.000 VND |
| + Thời gian ân hạn | : 1 năm |
| + Kỳ hạn thanh toán nợ gốc | : Chia 36 kỳ (3 tháng là 1 kỳ) (Từ kỳ 1 tới 35 là 226.550.000 VND; Kỳ 36 là 226.554.000 VND) |
| + Lãi vay | : 11,4%/ năm |
| + Thời hạn vay | : 10 năm |
| + Kỳ hạn thanh toán lãi | : 3 tháng 1 lần vào ngày làm việc cuối cùng của tháng cuối quý |
| + Mục đích vay | : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước. |

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

+ Tài sản đảm bảo : Tài sản hình thành từ vốn vay
+ Dư nợ 31/12/2016 : 2.475.161.446 VND

Khoản vay dài hạn Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

| | <u>31/03/2017</u> | <u>01/01/2017</u> |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| Trong vòng 1 năm | 2.025.330.939 | 2.199.169.755 |
| Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5 | 4.837.233.231 | 5.499.949.329 |
| Sau 5 năm | 212.836.931 | - |
| Cộng | 7.075.401.101 | 7.699.119.084 |
| Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn) | (1.575.451.772) | (2.199.169.755) |
| Số phải trả sau 12 tháng | <u>5.499.949.329</u> | <u>5.499.949.329</u> |

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | Tại ngày 01 tháng 01 | Trích lập các quỹ từ lợi nhuận | Chi quỹ trong năm | Tăng khác | Tại ngày 31 tháng 03 |
|-----------------------------------|----------------------|--------------------------------|----------------------|--------------------|----------------------|
| 2016 | | | | | |
| Quỹ khen thưởng | 1.453.477.511 | 2.549.870.877 | 2.321.670.000 | 62.000.000 | 1.743.678.388 |
| Quỹ phúc lợi | 673.099.190 | 2.549.870.877 | 2.684.777.267 | - | 538.192.800 |
| Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành | - | 678.594.669 | 678.594.669 | - | - |
| Cộng | 2.126.576.701 | 5.778.336.423 | 5.685.041.936 | 62.000.000 | 2.281.871.188 |
| 2017 | | | | | |
| Quỹ khen thưởng | 1.743.678.388 | | 1.551.280.000 | 113.100.000 | 305.498.388 |
| Quỹ phúc lợi | 538.192.800 | | 147.264.599 | | 390.928.201 |
| Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành | - | - | - | - | - |
| Cộng | 2.281.871.188 | | 1.698.544.599 | 113.100.000 | 696.426.589 |

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|-------------------------------------|---------------------------|-----------------------|-----------------------------------|------------------------|
| 01/01/2016 | 130.000.000.000 | 51.992.092.191 | 29.337.865.612 | 211.329.957.803 |
| Lãi trong năm trước | - | - | 14.181.562.096 | 14.181.562.096 |
| Trích lập các quỹ ĐTPT –DPTC | - | 5.394.575.501 | (5.394.575.501) | - |
| Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | (5.778.336.423) | (5.778.336.423) |
| Chia cổ tức trong năm | - | - | (10.400.000.000) | (10.400.000.000) |
| 31/12/2016 | 130.000.000.000 | 57.386.667.692 | 21.946.515.784 | 209.333.183.476 |
| 01/01/2017 | 130.000.000.000 | 57.386.667.692 | 21.946.515.784 | 209.333.183.476 |
| Lãi trong năm nay | - | - | (3.236.413.335) | (3.236.413.335) |
| Trích lập các quỹ ĐTPT –DPTC | - | - | - | - |
| Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | - |
| Chia cổ tức trong năm | - | - | - | - |
| 31/03/2017 | 130.000.000.000 | 57.386.667.692 | 18.710.102.449 | 206.096.770.141 |

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 2 số **0304797806** ngày 16 tháng 05 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Công ty là 13.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

| Cổ đông | Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 2 | | 31/12/2016 | 31/12/2015 |
|--|--|---------------|------------------------|------------------------|
| | VND | % | VND | VND |
| Công ty Cổ phần Địa Ốc Chợ Lớn | 3.000.000.000 | 2,31 | 3.000.000.000 | 3.000.000.000 |
| Ngân hàng Thương mại CP Đông Á | 2.766.520.000 | 2,13 | 2.766.520.000 | 2.766.520.000 |
| Công ty Đầu Tư tài chính Nhà Nước Tp. HCM | 3.005.000.000 | 2,31 | 3.005.000.000 | 3.005.000.000 |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Nam | 14.200.000.000 | 10,92 | - | 14.200.000.000 |
| Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn | 66.304.000.000 | 51,00 | 66.304.000.000 | 66.304.000.000 |
| Các cổ đông khác | 40.724.480.000 | 31,33 | 54.924.480.000 | 40.724.480.000 |
| Cộng | 130.000.000.000 | 100,00 | 130.000.000.000 | 130.000.000.000 |

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Cổ phiếu**

| | <u>31/03/2017</u> | <u>31/12/2016</u> |
|--|-------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 13.000.000 | 13.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 13.000.000 | 13.000.000 |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | <i>13.000.000</i> | <i>13.000.000</i> |
| <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i> | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ) | - | - |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | - | - |
| <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i> | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 13.000.000 | 13.000.000 |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | <i>13.000.000</i> | <i>13.000.000</i> |
| <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i> | - | - |
| | <u>-</u> | <u>-</u> |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

| | | |
|---|------------------------|------------------------|
| 1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | |
| | <u>31/03/2017</u> | <u>31/03/2016</u> |
| Doanh thu thuần | 233.938.748.331 | 229.219.565.429 |
| Doanh thu cung cấp nước | 229.898.803.609 | 225.510.368.197 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 4.039.944.722 | 3.709.197.232 |
| Cộng | 233.938.748.331 | 229.219.565.429 |
| 2. Giá vốn hàng bán | | |
| | <u>31/03/2017</u> | <u>31/03/2016</u> |
| Giá vốn cung cấp nước | 225.033.593.853 | 223.065.271.063 |
| Giá vốn cung cấp dịch vụ | 1.617.094.532 | 1.059.432.230 |
| Cộng | 226.650.688.384 | 224.124.703.293 |
| 3. Doanh thu hoạt động tài chính | | |
| Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn | 89,183,333 | 445.583.444 |
| Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 20,160,008 | 43.361.143 |
| Cộng | 109.343.341 | 488.944.587 |
| 4. Chi phí tài chính | | |
| Lãi tiền vay | 215.945.750 | 284.929.508 |
| Cộng | 215.945.750 | 284.929.508 |

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | | |
|--|------------------------|------------------------|
| 5. Chi phí bán hàng | | |
| Chi phí nhân viên bán hàng | 2.595.142.812 | 1.896.273.432 |
| Chi phí công cụ, dụng cụ | 64.620.213 | 107.152.500 |
| Chi phí khấu hao | 184.551.750 | 129.668.058 |
| Chi phí bằng tiền khác | 272.636.410 | 229.700.033 |
| Cộng | 3.116.951.185 | 2.362.794.023 |
| 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp | | |
| Chi phí nhân viên quản lý | 4.532.478.652 | 3.260.144.002 |
| Chi phí vật liệu quản lý | | 216.049.341 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 278.327.632 | - |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 1.516.468.739 | 733.558.402 |
| Thuế, phí và lệ phí | 63.721.653 | 18.427.078 |
| Chi phí dự phòng giảm giá | | - |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 32.275.920 | - |
| Chi phí bằng tiền khác | 1.504.241.131 | 1.733.587.446 |
| Cộng | 7.927.513.727 | 5.961.766.269 |
| 7. Lợi nhuận khác | | |
| Thu nhập khác | 692.605.232 | 348.162.476 |
| Thu nhập bán hồ sơ mời thầu | 32.727.276 | 5.454.546 |
| Thu nhập khách hàng đầu tư ống cái không hoàn lại | 641.447.615 | 324.713.228 |
| Khảo sát cung cấp đường ống cấp thoát nước | 18.427.000 | |
| Thu nhập khác | 3.341 | 17.994.702 |
| Chi phí khác | 66.011.193 | 141.889.362 |
| Chi phí hồ sơ mời thầu | | |
| Giá trị còn lại TSCĐ thanh lý | | |
| Chi phí đầu tư không hoàn vốn ống cái | 66.011.193 | 133.836.453 |
| Chi phí bồi thường, di dời | | |
| Chi phí khác | | 8.052.909 |
| Lợi nhuận khác thuần | 626.594.039 | 206.273.114 |
| 8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | |
| | 31/03/2017 | 31/03/2016 |
| Lợi nhuận trước thuế | (3.236.413.335) | (2.819.409.963) |
| - Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch | (6.179.255.159) | (5.879.463.158) |
| - Đối với hoạt động kinh doanh khác | 2.942.841.820 | 3.060.053.194 |
| Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế | | |
| Trừ: Thu nhập không chịu thuế | | |
| Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ | | |
| Tỷ lệ ưu đãi đầu tư kinh doanh nước sạch | 40% | 45% |

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | 31/03/2017 | 31/03/2016 |
|---|------------------------|------------------------|
| Thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế) | (3.236.413.335) | (2.819.409.964) |
| - Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch được ưu đãi | (2.493.845.985) | (2.629.298.572) |
| - Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch không được ưu đãi | (3.685.409.170) | (3.250.164.586) |
| - Đối với hoạt động kinh doanh khác | 2.942.842.820 | 3.060.053.194 |
| Thuế suất áp dụng | | |
| - Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh được ưu đãi | 5% | 5% |
| - Đối với hoạt động kinh doanh khác | 20% | 20% |

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Đối với hoạt động chính của Công ty thuộc danh mục ngành nghề ưu đãi đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế trong thời gian 10 năm và với thuế suất phổ thông trên thu nhập chịu thuế trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 3 năm tiếp theo kể từ năm 2007.

Theo biên bản kết luận thanh tra thuế số 1757/KL-CT ngày 14 tháng 12 năm 2015 thì từ kỳ tính thuế năm 2009, Công ty sẽ được áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài Chính cho thời gian còn lại. Do đó đến hết kỳ tính thuế năm 2008, Công ty đã hết thời gian miễn thuế theo Thông tư số 134/2007/TT-BTC nên mức ưu đãi Công ty được hưởng cụ thể như sau: Thuế suất 10% từ năm 2009 đến năm 2021; giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tính từ năm 2009.

Năm 2017 là năm thứ 9 Công ty được hưởng ưu đãi giảm thuế 50% đối với thu nhập từ hoạt động quản lý phát triển hệ thống cấp thoát nước.

Đối với hoạt động khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

9. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | 31/03/2017 | 31/03/2016 |
|---|------------------------|------------------------|
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | (3.236.413.335) | (2.819.409.963) |
| Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | | |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | (3.236.413.335) | (2.819.409.963) |
| Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 13.000.000 | 13.000.000 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | (249) | (217) |

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu****Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông****(3.236.413.335) (2.819.409.963)**

Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi

Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông**(3.236.413.335) (2.819.409.963)**

Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng**(3.236.413.335) (2.819.409.963)**

Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu

13.000.000 13.000.000**Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng****13.000.000 13.000.000****Lãi suy giảm trên cổ phiếu****(249) (217)****10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

Chi phí nước sạch

31/03/2017 31/03/2016

186.639.759.697 185.221.843.252

Chi phí nguyên liệu, vật liệu

3.372.707.858 2.208.210.739

Chi phí nhân công

23.164.211.788 17.404.821.640

Chi phí khấu hao tài sản cố định

12.185.343.973 10.122.212.168

Chi phí khác bằng tiền

12.333.129.981 2.370.652.401

Cộng**237.695.153.297 232.449.263.586****VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****1. Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

Cổ tức chưa thanh toán

31/03/2017 31/12/2016

1.063.633.076 1.084.960.576

Lãi tiền gửi còn dự thu

- 33.583.333**2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

Lãi tiền gửi ngân hàng còn dự thu cuối kỳ trước đã thu trong kỳ này

31/03/2017 31/12/2016

33.583.333 33.583.333

Cổ tức năm trước được chi trả trong kỳ này

21.327.500 -

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

Bên liên quan

Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn
Công ty Công trình giao thông Công Chánh
Công ty CP tư vấn Xây dựng Cấp Nước

Mối quan hệ

Công ty mẹ (nắm giữ 51% vốn Điều lệ)
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

| | <u>31/03/2017</u> | <u>31/03/2016</u> |
|--|--------------------|-------------------|
| Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn | | |
| Mua hàng hóa (nước sạch) | 186.639.759.697 | 185.221.843.252 |
| Mua vật tư | 2.777.365.000 | 6.850.269.840 |
| Thuê tài sản hoạt động | | 2.370.652.401 |
| Lãi vay phải trả | 215.945.750 | |
| Phải trả XD/CB và TSCĐ | 5.201.461.725 | - |
| Phải trả do thu hộ và tiền dịch vụ khác | - | - |
| Phải thu do chi hộ | 57.067.680 | 32.059.260 |
| Phải thu thi công trực cứu hỏa | 188.183 | 725.492.010 |
| Phải thu do cung cấp dịch vụ | <u>282.215.288</u> | <u>-</u> |
| Công ty Công trình giao thông Công Chánh | | |
| Phải trả ký quỹ, bảo lãnh thực hiện hợp đồng | - | 40.000.000 |
| Phải thu do cung cấp dịch vụ | <u>-</u> | <u>-</u> |
| Công ty Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Cấp nước | | |
| Phải trả phí thực hiện công trình XD/CB, gia công đồng hồ nước | <u>126.767.557</u> | <u>19.690.278</u> |

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan như sau:

| | <u>31/03/2017</u> | <u>31/12/2016</u> |
|---|------------------------|------------------------|
| Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn | | |
| Phải thu thương mại | 5.754.626.663 | 170.930.290 |
| Phải thu các khoản chi hộ | 2.981.001.626 | 2.912.097.616 |
| Phải trả thương mại | (99.649.718.978) | (87.363.420.113) |
| Phải trả phí thực hiện công trình XD/CB | (7.944.490.980) | (11.695.848.413) |
| Phải trả tiền vay | <u>(7.075.401.101)</u> | <u>(9.570.273.033)</u> |

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | <u>31/03/2017</u> | <u>31/12/2016</u> |
|---|---------------------------|---------------------------|
| Công ty Công trình giao thông Công Chánh | | |
| Phải trả đặt cọc di dời đường ống | (110.000.000) | 108.000.000 |
| Phải trả tiền ứng trước cung cấp dịch vụ | <u>(49.999.839)</u> | <u>(49.999.839)</u> |
| Công ty CP tư vấn Xây dựng Cấp Nước | | |
| Ứng trước phí thực hiện lập báo cáo đầu tư và khảo sát, tư thiết kế, tư vấn giám sát công trình | <u>504.924.499</u> | <u>530.176.060</u> |
| Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan | | |
| Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng . | | |
| Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt | | |
| Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong năm như sau: | | |
| | <u>31/03/2017</u> | <u>31/03/2016</u> |
| Tiền lương | 375.351.696 | 382.512.000 |
| Các khoản bảo hiểm phải trả | <u>16.970.784</u> | <u>11.787.621</u> |
| Cộng | <u>392.322.480</u> | <u>394.299.621</u> |

2. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 2 bộ phận hoạt động gồm: Bộ phận cung cấp nước sạch và bộ phận lắp đặt, di dời đồng hồ nước và các dịch vụ khác. Tuy nhiên, Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực cung cấp nước sạch các lĩnh vực còn lại chiếm tỷ lệ nhỏ, không đáng kể.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty đều diễn ra ở khu vực hoạt động kinh doanh của Công ty (quận 5, quận 6, quận 8, quận Bình Tân và quận Bình Chánh).

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần (các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số V.16a và V.16b trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

| | <u>31/03/2017</u> | <u>31/12/2016</u> |
|---|-------------------|-------------------|
| Các khoản vay | 7.075.401.101 | 7.699.119.084 |
| Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền | (19.118.131.506) | (45.735.185.677) |
| Nợ thuần | (12.042.730.405) | (38.036.066.593) |
| Vốn chủ sở hữu | 206.096.770.141 | 209.333.183.476 |
| Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu | (0,06) | (0,18) |

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

| | <u>31/03/2017</u> | | <u>31/12/2016</u> | |
|------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | <u>Giá trị ghi sổ</u> | <u>Giá trị hợp lý</u> | <u>Giá trị ghi sổ</u> | <u>Giá trị hợp lý</u> |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 19.118.131.505 | 19.118.131.505 | 45.735.185.677 | 45.735.185.677 |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 8.330.000 | 8.330.000 | 8.330.000 | 8.330.000 |
| Phải thu của khách hàng | 13.960.859.855 | 13.960.859.855 | 6.523.759.754 | 6.523.759.754 |
| Phải thu khác | 3.146.610.509 | 3.146.610.509 | 2.856.625.983 | 2.856.625.983 |
| Cộng | 36.233.931.569 | 36.233.931.569 | 55.123.901.414 | 55.123.901.414 |
| Nợ phải trả tài chính | | | | |
| Phải trả cho người bán | 109.073.159.131 | 109.073.159.131 | 147.917.345.000 | 147.917.345.000 |
| Chi phí phải trả | 14.100.869.191 | 14.100.869.191 | 15.165.279.026 | 15.165.279.026 |
| Phải trả khác | 39.579.531.498 | 39.579.531.498 | 39.169.007.580 | 39.169.007.580 |
| Các khoản vay | 7.075.401.101 | 7.075.401.101 | 7.699.119.084 | 7.699.119.084 |
| Cộng | 169.828.960.921 | 169.828.960.921 | 209.950.750.690 | 209.950.750.690 |

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính như sau:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay tương đương với giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi) của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ ngắn hạn.
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại ngày lập Báo cáo tài chính, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá (rủi ro ngoại tệ), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của tỷ giá và sự thay đổi về giá khác.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Toàn bộ các khoản vay của Công ty là từ Công ty mẹ và các Công ty trong cùng tập đoàn với lãi suất ổn định nên Công ty không có rủi ro về lãi suất.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng..).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín trong nước. Ban Giám đốc Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu từ các khoản tiền gửi này.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

| | Từ 1 năm trở xuống | Trên 1 năm đến 5 năm | Trên 5 năm | Cộng |
|-------------------------------------|--------------------------|-------------------------|------------|--------------------------|
| 31/03/2017 | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 19.118.131.505 | | | 19.118.131.505 |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | - | 8.330.000 | | 8.330.000 |
| Phải thu của khách hàng | 13.960.859.855 | - | | 13.960.859.855 |
| Phải thu khác | 2.981.001.626 | 165.608.583 | | 3.146.610.209 |
| Cộng | 36.059.992.986 | 173.938.583 | | 36.233.931.569 |
| Phải trả cho người bán | 109.073.159.131 | - | | 109.073.159.131 |
| Chi phí phải trả | 14.100.869.191 | - | | 14.100.869.191 |
| Phải trả khác | 18.795.515.526 | 20.784.015.972 | | 39.579.531.498 |
| Các khoản vay | 2.238.167.870 | 4.837.233.231 | | 7.075.401.101 |
| Cộng | 144.207.711.718 | 25.621.249.203 | | 169.828.960.921 |
| Chênh lệch thanh khoản thuần | (108.147.718.732) | (25.447.310.620) | | (133.595.029.352) |
| 31/12/2016 | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 45.735.185.677 | - | - | 45.735.185.677 |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | - | 8.330.000 | - | 8.330.000 |
| Phải thu của khách hàng | 6.523.759.754 | - | - | 6.201.362.575 |
| Phải thu khác | 2.691.017.400 | 165.608.583 | - | 3.179.023.162 |
| Cộng | 54.949.962.831 | 173.938.583 | - | 55.123.901.414 |
| Phải trả cho người bán | 147.917.345.000 | - | - | 147.917.345.000 |
| Chi phí phải trả | 15.165.279.026 | - | - | 15.165.279.026 |
| Phải trả khác | 18.508.686.165 | 20.660.321.417 | - | 39.169.007.582 |
| Các khoản vay | 2.199.169.755 | 5.499.949.329 | - | 7.699.119.084 |
| Cộng | 183.790.479.946 | 26.160.270.746 | - | 209.950.750.692 |
| Chênh lệch thanh khoản thuần | (128.840.517.115) | (25.986.332.163) | - | (154.826.849.278) |

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức cao do các công nợ tài chính cao hơn tài sản tài chính. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin rằng hoạt động kinh doanh của Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.

Thành phố Hồ chí Minh, ngày 19 tháng 04 năm 2017



Lại Thị Thu
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Kim Loan
Người lập biểu

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính